

Thời gian : 18h15 - 10/05/2026 - Phòng : 508 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	DL BT	SỐ MÁY	KÝ TÊN	ĐIỂM		GHI CHÚ
									SỐ	CHỮ	
1	29212330758	Lê Chí Bảo	10/07/2005	Đà Nẵng	31CBN11						
2	28212406603	Đoàn Huy Đoan	19/07/2004	Quảng Ngãi	31CBN11						
3	25213311212	Nguyễn Hoàng Huy Dương	01/01/2001	Hà Tĩnh	31CBN11						
4	29212364223	Trương Lê Nhật Hoàng	09/01/2005	Huế	31CBN11						
5	28202842275	Lê Thị Bảo Ngọc	16/05/2004	Đà Nẵng	31CBN11						
6	30207237653	Đỗ Lê Thảo Nguyên	28/09/2006	Quảng Nam	31CBN11						
7	28208002425	Trương Thị Ánh Nguyệt	25/07/2004	Đà Nẵng	31CBN11						
8	28212703152	Hồ Công Nhật	01/01/2004	Quảng Trị	31CBN11						
9	28208101360	Đặng Thị Nhi	28/09/2004	Huế	31CBN11						
10	28208143989	Võ Thị Thùy Nhi	25/11/2004	Đà Nẵng	31CBN11						
11	29216655098	Huỳnh Đỗ Mạnh Quốc	02/09/2005	Đà Nẵng	31CBN11						
12	29216659091	Trần Đại Quý	25/12/2005	Quảng Ngãi	31CBN11						
13	29206660578	Nguyễn Thục Tú Quyên	27/12/2005	Đà Nẵng	31CBN11						
14	28212405074	Phạm Trường Sơn	28/11/2004	Quảng Nam	31CBN11						
15	28206506193	Lê Trần Phương Thảo	01/06/2004	Thừa Thiên Huế	31CBN11						
16	28208152326	Nguyễn Thị Thanh Thu	24/09/2004	Quảng Nam	31CBN11						
17	28208006949	Lê Thị Thuận	28/07/2004	Quảng Nam	31CBN11						
18	28204653290	Nguyễn Thị Hoài Thương	23/02/2004	Quảng Nam	31CBN11						
19	29206255774	Hứa Ngọc Phương Thy	02/08/2005	Đà Nẵng	31CBN11						
20	28206601823	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	30/06/2004	Quảng Nam	31CBN11						
21	28202805862	Trần Hoàng Nhật Vy	06/08/2004	Đà Nẵng	31CBN11						
22	27202239602	Nguyễn Thị Hồng Hải	18/10/2003	Đắk Lắk	30SHT5						Thi lại
23	27202145195	Trịnh Ngọc Thảo Anh	20/05/2003	Đắk Lắk	30TYC2						Thi lại

Số học viên vắng :; Số học viên đình chỉ :; Số bài thi :; Số tờ :

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thời gian : 18h15 - 10/05/2026 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	DL BT	SỐ MÁY	KÝ TÊN	ĐIỂM		GHI CHÚ
									SỐ	CHỮ	
1	28204500384	Lê Thị Vy	27/09/2004	Quảng Nam	31CBN11						
2	28218101523	Nguyễn Văn An	02/01/2004	Gia Lai	31THT19						
3	28218101769	Nguyễn Tuấn Anh	07/04/2004	Đà Nẵng	31THT19						
4	28214706020	Lê Công Chiến	10/03/2004	Quảng Trị	31THT19						
5	27212100962	Mai Quốc Đạt	17/05/2002	Đà Nẵng	31THT19						
6	28214301333	Mông Văn Đạt	01/04/2004	Đắk Lắk	31THT19						
7	28204351333	Lê Thị Kim Dung	17/02/2004	Huế	31THT19						
8	28214752490	Nguyễn Khoa Đông Dương	03/01/2004	Thừa Thiên Huế	31THT19						
9	29206757780	Vũ Hà Phương	18/07/2005	Gia Lai	31CSC10						Thi lại
10	27218239397	Văn Thanh Hoàng Nam	19/09/2003	Quảng Nam	31CSC4						Thi lại
11	29206558742	Mai Thị Hà Tiên	09/11/2005	Quảng Nam	31CSC4						Lần 1
12	29206562451	Trần Thanh Trâm	05/12/2005	Quảng Nam	31CSC4						Lần 1
13	28208034385	Trần Thị Quỳnh Anh	30/05/2004	Đà Nẵng	31SHT8						Thi lại
14	29216654109	Nguyễn Tấn Hậu	20/11/2005	Quảng Nam	31SHT9						Thi lại
15	29218239142	Nguyễn Duy Phương	19/07/2005	Đà Nẵng	31SHT9						Thi lại
16	29208243103	Đặng Thị Minh Tâm	04/10/2005	Đà Nẵng	31SHT9						Thi lại
17	28217706788	Nguyễn Minh Tài	12/02/2004	Nghệ An	31SYC5						Học lại
18	28208202598	Phan Thị Thu Tuyền	20/08/2004	Đà Nẵng	31SYC6						Thi lại
19	28214134979	Nguyễn Tiến Tân	02/02/2004	Huế	31TBN16						Thi lại
20	28204104709	Đặng Thị Hiền Thục	18/08/2004	Quảng Ngãi	31TBN16						Thi lại
21	28204501753	Lê Bảo Uyên	24/08/2004	Quảng Nam	31TBN17						Thi lại
22	28218130469	Đình Gia Quân	30/11/2004	Đà Nẵng	31THT11						Thi lại
23	28208229738	Ngô Thị Cẩm Tiên	26/03/2004	Đà Nẵng	31THT15						Thi lại
24	27215433751	Trần Minh Nam	02/03/2003	Lâm Đồng	31THT17						Thi lại

Số học viên vắng :; Số học viên đình chỉ :; Số bài thi :; Số tờ :

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thời gian : 18h15 - 10/05/2026 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	DL BT	SỐ MÁY	KÝ TÊN	ĐIỂM		GHI CHÚ	
									SỐ	CHỮ		
1	28208054653	Lê Huỳnh Kim	Huệ	13/02/2004	Đà Nẵng	31THT19						
2	28214752546	Văn Đức	Huy	31/05/2004	Đà Nẵng	31THT19						
3	28216803689	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/05/2004	Quảng Nam	31THT19						
4	29204955058	Võ Thị	Huyền	16/05/2005	Nghệ An	31THT19						
5	28212753052	Nguyễn Nhật	Khôi	14/12/2004	Kon Tum	31THT19						
6	28215100966	Nguyễn Thành	Long	06/05/2004	Quảng Bình	31THT19						
7	28210202007	Lê Thiện	Phương	05/06/2004	Quảng Ngãi	31THT19						
8	27215249713	Nguyễn Xuân	Quang	01/03/2003	Đà Nẵng	31THT19						
9	28202704004	Nguyễn Như	Quỳnh	02/09/2004	Đà Nẵng	31THT19						
10	28218100203	Nguyễn Bảo	Tâm	03/01/2004	Đắk Lắk	31THT19						
11	29206746076	Lê Thị Phương	Thảo	27/09/2004	Thừa Thiên Huế	31THT19						
12	28212746383	Nguyễn Khánh	Thiện	11/11/2004	Đà Nẵng	31THT19						
13	29206255773	Lê Thủy	Tiên	18/09/2005	Quảng Trị	31THT19						
14	29206557578	Lê Thị Bích	Trâm	21/05/2005	Đà Nẵng	31THT19						
15	28214600461	Phạm Xuân Bảo	Trí	11/12/2004	Quảng Trị	31THT19						
16	28213506275	Nguyễn Anh	Tú	13/01/2004	Nghệ An	31THT19						
17	27212240294	Đỗ Trung Anh	Tuấn	28/10/2003	Quảng Trị	31THT19						
18	28214301853	Đào Anh	Tuấn	06/01/2004	Phú Yên	31THT19						
19	29202757585	Lê Thị Thu	Uyên	22/09/2005	Đà Nẵng	31THT19						
20	28214325485	Võ Hoàng	Vũ	10/11/2004	Đà Nẵng	31THT19						
21	27211331437	Ngô Minh	Trí	30/10/2003	Quảng Nam	31THT6						Thi lại
22	28218004624	Lưu Đức	Huệ	19/09/2004	Bình Định	31TSC10						Thi lại
23	28206736150	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/02/2004	Bình Định	31TSC15						Lần 1
24	28204300857	Nguyễn Thị Trà	My	18/10/2003	Quảng Bình	31TSC15						Lần 1

Số học viên vắng :; Số học viên đình chỉ :; Số bài thi :; Số tờ :

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thời gian : 18h15 - 10/05/2026 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	DL BT	SỐ MÁY	KÝ TÊN	ĐIỂM		GHI CHÚ
									SỐ	CHỮ	
1	28208153369	Bùi Nguyễn Thảo Anh	21/08/2003	Kiên Giang	31TSC17						
2	28218200298	Huỳnh Việt Anh	09/09/2004	Gia Lai	31TSC17						
3	28214327002	Lê Quốc Cường	15/12/2004	Gia Lai	31TSC17						
4	29207261885	Nguyễn Thùy Dung	06/12/2005	Thanh Hóa	31TSC17						
5	28214648794	Trần Thị Ngọc Duyên	31/03/2004	Đà Nẵng	31TSC17						
6	29207238039	Tô Ngọc Thanh Hà	31/03/2005	Quảng Ngãi	31TSC17						
7	28204644594	Trần Thị Mỹ Hạnh	03/06/2004	Đà Nẵng	31TSC17						
8	29206565025	Nguyễn Thị Phương Hậu	06/12/2005	Đà Nẵng	31TSC17						
9	29206565758	Võ Thị Hậu	17/10/2005	Quảng Nam	31TSC17						
10	28208150023	Võ Thị Thu Hiền	31/05/2004	Đà Nẵng	31TSC17						
11	29214644685	Lê Võ Hoàng	10/08/2005	Quảng Nam	31TSC17						
12	30214721333	Trần Phi Hùng	19/11/2006	Quảng Trị	31TSC17						
13	28218128741	Nguyễn Trương Quốc Huy	03/05/2004	Đà Nẵng	31TSC17						
14	28208003727	Huỳnh Thị Trúc Ly	30/04/2004	Quảng Nam	31TSC17						
15	29206538423	Phùng Thị Phương	26/03/2005	Đắk Lắk	31TSC17						
16	28218251558	Trần Cao Sơn	05/06/2004	Đà Nẵng	31TSC17						
17	28206901941	Nguyễn Thị Thắm	04/03/2004	Quảng Nam	31TSC17						
18	29217329592	Trương Văn Thông	02/01/2005	Quảng Nam	31TSC17						
19	28206900458	Ngô Phạm Minh Thư	22/12/2004	Bình Thuận	31TSC17						
20	29207264791	Trần Thị Lan Trinh	29/06/2005	Đà Nẵng	31TSC17						
21	28206637721	Trần Thị Thanh Nhân	19/12/2004	Quảng Trị	31TSC15						Thi lại
22	27211321762	Trần Văn Hiếu	30/10/2003	Đà Nẵng	31TYC10						Thi lại
23	30206954876	Vũ Thùy Linh	27/03/2006	Gia Lai	31TYC15						Thi lại

Số học viên vắng :; Số học viên đình chỉ :; Số bài thi :; Số tờ :

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG